

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 77/2018/DSPT

Ngày: 05/9/2018

V/v “Kiện đòi tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Anh Văn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Minh.

Ông Nguyễn Văn Tính.

- Thư ký phiên toà: Ông Chu Quang Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Vũ Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 và ngày 05 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2018/TLPT – DS ngày 07/5/2018 về việc “Kiện đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2018/DSST ngày 08/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 54/2018/QĐ-PT ngày 08/6/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị L, sinh năm 1960 (có mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Anh Trần Lâm S, sinh năm 1994 (vắng mặt). Theo văn bản ủy quyền ngày 15/12/2017.

Chị Thạch Minh H, sinh năm 1994 (có mặt). Theo văn bản ủy quyền ngày 15/8/2018.

Đều cùng địa chỉ: Số 65, ngõ 39 Đ, phường T, quận L, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

Bà Trần Thị Ngọc H – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Đ, Đoàn Luật sư thành phố H(có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn là chị Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn là bà Trương Thị L trình bày: Do có quen biết với chị L nên bà có cho chị L vay tiền nhiều lần, đến năm 2012 thì chốt nợ, theo giấy chốt nợ thì chị L vay bà 150.000.000đồng. Hai bên không thỏa thuận tính lãi, không xác định thời hạn trả nợ, chị L đã ký xác nhận nợ. Sau khi vay, chị L có nhờ bà chơi hộ hai suất bầu (phường). Mỗi suất đóng 4.000.000đồng/01 tháng. Chị L đã đưa cho bà một tháng đầu với số tiền 8.000.000đồng. Sau đó, chị L không đưa nữa nên bà đã báo chủ phường hủy phường. Chủ phường đã hủy và trả lại bà 8.000.000đồng. Bà đã nhận lại số tiền và trừ vào số tiền chị L vay. Do vậy, số tiền chị L còn nợ bà là 142.000.000đồng. Nay bà yêu cầu chị L phải trả cho bà số tiền còn nợ, bà không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị đã được tiếp cận nội dung đơn khởi kiện, giấy vay nợ do bà L xuất trình để khởi kiện. Chị thừa nhận chữ ký trong giấy vay nợ đúng là của chị. Tuy nhiên, chị cho rằng số tiền vay 150.000.000đồng vào năm 2012 xảy ra trước khi chơi bầu (phường). Sau đó, bà L đã trừ vào số tiền chị đóng phường cho bà L (chị không biết chơi với ai) 03 suất, đóng 9.000.000đồng/01 tháng. Qua theo dõi sổ sách, tính đến nay, chị chỉ còn nợ bà L 33.010.000đồng. Do vậy, chị không chấp nhận yêu cầu của bà L. Chị chỉ chấp nhận trả bà L 33.010.000đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Kim H – Người chung sống như vợ chồng với chị L từ năm 1993 đến năm 2013 trình bày: Việc vay và trả nợ cũng như sử dụng số tiền vay giữa chị L với bà L như thế nào anh không biết, anh không sử dụng số tiền mà chị L vay. Anh từ chối tham gia tố tụng và xin vắng mặt.

Những người làm chứng là ông Lê Danh Q (chồng bà L) và anh Lê Danh H (con trai bà L) cùng trình bày: Ông và con ông không biết gì đến việc vay và trả nợ tiền giữa bà L và chị L. Ông Q và anh H từ chối tham gia tố tụng.

Quá trình giải quyết vụ án, do có mâu thuẫn giữa lời trình bày của nguyên đơn với bị đơn, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đối chất nhưng các bên đương sự vẫn giữ nguyên lời trình bày của mình (BL 29).

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm đã áp dụng các Điều 164, 166, 357, 466, 468, 469, 688 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị L, buộc chị Nguyễn Thị L phải trả cho bà Trương Thị L 142.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi án sơ thẩm xử, ngày 31/3/2018, chị Nguyễn Thị L kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn trình bày:

Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều sai phạm về thủ tục tố tụng, cụ thể: Tòa án không thông báo cho chị L ngày giờ cụ thể mở phiên tòa nhằm tước quyền tham gia tố tụng tại phiên tòa; đưa bổ sung anh Hoàng Kim H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tham gia phiên tòa nhưng không thông báo cho các đương sự khác biết; không tiến hành đối chất giữa các đương sự; không tạm đình chỉ vụ án để chờ kết luận của cơ quan Công an.

Về nội dung: Tòa án sơ thẩm xét xử vụ án với những chứng cứ không đầy đủ, không làm rõ các tình tiết vụ án, xem xét đánh giá chứng cứ, nhận định và ra phán quyết không căn cứ vào tình tiết, chứng cứ khách quan. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà L phải trả cho bà L 142.000.000 đồng là thiếu căn cứ. Do bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, áp dụng không đúng pháp luật, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo đúng trình tự pháp luật quy định. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị L cho rằng:

Thứ nhất: Tòa án không thông báo chị L ngày giờ cụ thể mở phiên tòa ngày 08/3/2018, chị L đến Tòa án huyện Yên Phong để làm việc với vụ án khác vì vậy không thể có mặt tại phiên tòa. Ngày 15/12/2017 chị L có văn bản ủy quyền cho

anh Trần Lâm S tham gia tố tụng, phiên tòa ngày 22/01/2018 và ngày 09/2/2018 Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập hợp lệ chị L và anh S nhưng các đương sự vẫn vắng mặt không lý do, vì vậy việc chị L vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Thứ hai, Tòa án không thông báo trước cho chị L biết việc đưa anh Hoàng Kim H vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Quá trình giải quyết vụ án bà L và bà L đều trình bày việc vay mượn chỉ có hai bên tham gia, bà L chỉ khởi kiện chị L và chị L cũng không yêu cầu anh H cùng trả nợ. Mặt khác tại bút lục (43 và 75) căn cứ vào lời trình bày của anh Hoàng Kim H việc vay và trả nợ của chị L với mọi người như thế nào anh không biết, anh không được sử dụng tiền vay. Anh chỉ sống chung như vợ chồng với chị L đến ngày 30/8/2013, Tòa án nhân dân huyện Y đã không công nhận anh và chị L là vợ chồng. Sau đó trong vụ án “Tranh chấp về tài sản chung sau ly hôn” giữa anh và chị L được Tòa án hai cấp tỉnh Bắc Ninh xét xử bản thân chị L không chứng minh được các khoản nợ có liên quan. Tòa án cũng xác định anh không liên quan đến các khoản vay và trả nợ của chị L với người khác. Tại phiên tòa phúc thẩm bà L trình bày số tiền bà khởi kiện chị L là khoản cho vay năm 2014, như vậy là sau khi anh H và chị L giải quyết ly hôn năm 2013. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đưa anh Hoàng Kim H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là không chính xác, cần rút kinh nghiệm.

Thứ ba, Tòa án không tiến hành đối chất. Tại biên bản đối chất giữa bà L và chị L ngày 23/11/2017(bút lục 29) thể hiện có việc đối chất. Sau đó ngày 26/12/2017 chị L tiếp tục có đơn đề nghị đối chất với bà L, ông Lê Danh Q và anh Lê Danh H. Tại biên bản lấy lời khai của ông Lê Danh Q (bút lục 117) và anh Lê Danh H (bút lục 116) đều trình bày việc vay tiền và trả tiền giữa bà L và chị L như thế nào không biết và đề nghị Tòa án không triệu tập tham gia tố tụng. Như vậy, việc đối chất đã được tiến hành lần một và lần hai Tòa án không tiến hành vì ông Q và anh H trình bày không biết gì về việc vay mượn và từ chối tham gia tố tụng nên Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành đối chất lại là có căn cứ.

Thứ tư, Tòa án không tiến hành tạm đình chỉ vụ án chờ kết luận của cơ quan Công an. Tại Tòa án sơ thẩm chị L có đơn đề nghị Công an huyện Yên Phong xem xét về hình sự. Công an huyện Y đã có Công văn số: 208A/CV-CA ngày 18/01/2018 và Công văn số: 357A/CV-CA ngày 13/02/2018 trả lời đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị L đối với bà L là không có căn cứ, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không tạm đình chỉ vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chị L thừa nhận chữ ký trong giấy vay nợ đúng là do chị ký. Chị cho rằng số tiền vay 150.000.000 đồng vào năm 2012 trước khi chị chơi bầu (phường). Sau đó bà L đã trừ vào tiền đóng phường do bà L chơi hộ 03 suất, mỗi tháng đóng 09 triệu đồng một tháng, tính đến nay chị chỉ còn nợ 33.010.000đồng. Phía bà L không thừa nhận việc chị L trình bày thanh toán trả nợ của khoản vay

150.000.000 đồng như trên. Bà L chỉ xác nhận chị L đã trả bà 8.000.000 đồng đây là số tiền chị L nhờ bà đóng hộ tiền phường.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, bà L trình bày số tiền đóng bậu (phường) không liên quan đến khoản vay này và bà sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác. Xem xét các tài liệu chứng cứ do các bên đương sự cung cấp, cũng không có nội dung nào thể hiện số tiền đóng bậu (phường) của chị L được khấu trừ vào số tiền vay 150.000.000 đồng này, ngoài việc bà L xác nhận chị L đã trả cho bà 8.000.000 đồng. Do vậy, lời trình bày của chị L là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy án sơ thẩm buộc chị Nguyễn Thị L phải trả cho bà Trương Thị L 142.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, căn bác toàn bộ kháng cáo của chị Nguyễn Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị L.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 164, 166, 357, 466, 468, 469, 688 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 147; 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Trương Thị L. Buộc chị Nguyễn Thị L phải trả cho bà Trương Thị L 142.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu đồng).

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 7.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, xác nhận chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2017/0003736 ngày 09/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Trả lại bà Trương Thị L 3.550.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: AA/2017/0003548 ngày 27/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Kể từ ngày bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu một khoản lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- L hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Văn